

Bản án số: 44/2023/HS-ST
Ngày 25 - 5 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Đào Vi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Văn Chinh.

Ông Trương Nguyễn Thiện Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Như Thuận, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Lê Đức Khanh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 36/2023/TLST-HS ngày 19 tháng 4 năm 2023; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 63/2023/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 5 năm 2023 đối với bị cáo:

Đoàn Minh N; sinh ngày: 20/6/1996; Nơi thường trú: Thôn A Ngo, xã A Ngo, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tà Ôi; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 8/12; Con ông Đoàn Minh Mới và bà Kê Thị Đào. Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ 3; Có vợ Trần Thị Lượm và có 02 con, con lớn 06 tuổi và con nhỏ 04 tuổi; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/02/2023 cho đến nay; có mặt.

- Bị hại: Anh A Nhdor Ku S; sinh năm: 1998; Địa chỉ: Thôn Bình Sơn, xã A Ngo, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt;

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Trần Đức H, sinh năm: 1992; Địa chỉ: Tổ dân phố 7, thị trấn A Lưới, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

- Người làm chứng: Chị Hồ Thị H1, sinh năm: 1995; Địa chỉ: Thôn Bình Sơn, xã A Ngo, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung

vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 02/5/2022, anh A Nhdor Ku S, Quốc tịch Lào đến đánh bi da tại quán “Ông Hồng” ở thôn Bình Sơn, xã A Ngo, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thừa Thiên Huế. Quá trình đánh bi da, anh S để chiếc điện thoại Xiaomi Redmi Note 11 tại bàn đánh bi lắc ở bên cạnh. Khoảng 14 giờ cùng ngày, Đoàn Minh N đến quán “Ông Hồng” xem mọi người đánh bi da. N thấy chiếc điện thoại của anh S để trên bàn nên lấy đem về nhà cất giấu rồi quay lại quán “Ông Hồng” chơi. Đến 20 giờ cùng ngày, N đem chiếc điện thoại bán cho anh Trần Đức H ở tổ dân phố 7, thị trấn A Lưới, huyện A Lưới lấy 2.000.000 đồng. Sau đó, N bỏ trốn đến ngày 20/02/2023 thì bị bắt theo Lệnh truy nã.

Theo kết luận của Hội đồng định giá tài sản huyện A Lưới, chiếc điện thoại của anh S trị giá: 3.493.000 đồng.

- Vật chứng thu giữ và xử lý: Cơ quan điều tra đã thu giữ và trả lại cho anh S chiếc điện thoại bị mất, anh không yêu cầu bồi thường thêm gì.

- Về dân sự: Anh H yêu cầu bị cáo bồi thường 2.000.000 đồng, bị cáo chưa bồi thường.

Tại bản Cáo trạng số: 25/CT-VKS-P2 ngày 19 tháng 4 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quyết định truy tố Đoàn Minh N về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo mức án từ 06 đến 07 tháng tù.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định, hành vi tố tụng: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại gì về các quyết định, hành vi tố tụng cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Các quyết định, hành vi tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đều thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa, bị cáo Đoàn Minh N đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình; lời nhận tội của bị cáo là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 10 giờ ngày 02/5/2022, tại quán bi da “Ông Hồng” ở thôn Bình Sơn, xã A Ngo, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế, lợi dụng sơ hở của anh A Nhdor Ku S trong việc quản lý tài sản, Đoàn Minh N đã lén lút chiếm đoạt chiếc điện thoại Xiaomi Redmi Note 11 của anh A Nhdor Ku S. Theo kết luận của Hội đồng định giá tài sản huyện A Lưới, chiếc điện thoại bị cáo chiếm đoạt trị giá 3.493.000 đồng.

Hành vi của bị cáo Đoàn Minh N đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Đoàn Minh N không phạm vào tình tiết tăng nặng nào.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo là người dân tộc thiểu số nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo:

Bị cáo là người đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ nhưng với động cơ muốn nhanh chóng có tiền tiêu xài nên vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, ảnh hưởng đến trật tự an toàn trên địa bàn nên cần phải xử lý nghiêm để giáo dục bị cáo và chống tội phạm. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét cho bị cáo một phần về hình phạt bởi trong vụ án này bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, là người dân tộc thiểu số nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và xử phạt bị cáo mức án bằng thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam và trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác, cũng đảm bảo tác dụng răn đe, giáo dục đối với bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu giữ và trả lại cho anh A Nhdor Ku S chiếc điện thoại bị chiếm đoạt là đảm bảo quy định của pháp luật.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại anh A Nhdor Ku S đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Đức H đã mua tài sản của bị cáo N trộm cắp nhưng không biết các tài sản đó do phạm tội mà có nên không có cơ sở để truy cứu trách nhiệm hình sự. Anh H yêu cầu bị cáo trả lại số

tiền 2.000.000đồng đã mua chiếc điện thoại; xét yêu cầu của anh H là chính đáng, có cơ sở nên cần chấp nhận.

[7] Về án phí:

[7.1] Án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 135, 136, điểm e khoản 3 Điều 326 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Cần buộc bị cáo Đoàn Minh N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[7.2] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu bồi thường của anh Nguyễn Đức H được chấp nhận nên cần buộc bị cáo phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Về quyền kháng cáo: Báo cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

Tuyên bố bị cáo Đoàn Minh N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; các điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Đoàn Minh N 03 (ba) tháng 05 (năm) ngày tù. Thời gian phạt tù bằng thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam là ngày 20/02/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 25/5/2023. Trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Đoàn Minh N phải trả lại cho anh Nguyễn Đức H số tiền 2.000.000 (hai triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thực hiện nghĩa vụ theo lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí:

- Án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 135, 136, điểm e khoản 3 Điều 326 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Buộc bị cáo Đoàn Minh N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Đoàn Minh N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Báo cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án; đối với những người trên vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- Sở Tư pháp tỉnh TT Huế;
- VKSND tỉnh TT Huế
- VP CQCSĐT CA tỉnh TT Huế;
- Phòng CSTHAHS &HTTP CA tỉnh TT Huế;
- Cục THADS tỉnh TT Huế;
- Các bị cáo; Người bào chữa;
- Bị hại; NCQLNVLQ;
- Lưu: HSPA, HCTP, KTNV, Tòa HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Thị Đào Vi